TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2019/HS-ST

Ngày 23-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc – Giáo viên nghỉ hưu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Tân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/12/2019 đến ngày 23/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2019/HSST ngày 15/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Lê Văn T**, sinh năm 1999. Tên gọi khác: Chó.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Chỗ ở hiện nay: Số 43, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: Không rõ; Anh chị em ruột: Có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 10/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, o khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bắt tạm giam vào ngày 10/4/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên **Đặng Văn S**, sinh ngày 18/01/2003.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 175, Đường Thống Nhất, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Con ông Đặng Văn Dũng, sinh năm 1963 và bà Đào Thị Ngọc Nga, sinh năm 1968; Anh chị em ruột: Có 04 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 18/02/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo V có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo V:* Ông Đặng Văn D, sinh năm 1963 và bà Đào Thị Ngọc N, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Số 175, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Là bố, mẹ của bị cáo V.

Ông D vắng mặt; bà N có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo V:* Ông Phạm Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Ông T có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên **Nguyễn Anh P**, sinh ngày 20/7/2003.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 10, Đường S, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1987; Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 18/2/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo P có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo P:* Ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Số 10, Đường S, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Là bố, mẹ của bị cáo P.

Ông M vắng mặt; bà T có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo P:* Ông Nguyễn Văn D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Ông D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Họ và tên **Nguyễn Đình Q**, sinh ngày 24/11/2002.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 124, Đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1974 và bà Võ Thị Ngọc O, sinh

năm 1980; Anh chị em ruột: Có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 04/3/2019. Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh vào ngày 09/10/2019 theo quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo Q có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Quyền:* Nguyễn Đình Q, sinh năm 1974 và bà Võ Thị Ngọc O, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: Số 124, Đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Là bố, mẹ của bị cáo Q.

Ông Q vắng mặt; bà O có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Q*: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng G – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Bà G có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên **Nguyễn Công T**, sinh ngày 19/6/2002.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 17/17, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Công H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Anh chị em ruột: Có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 18/2/2019. Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh vào ngày 02/10/2019 theo quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:* Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Số 17/17, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Là bố, mẹ của bị cáo T.

Ông H vắng mặt, bà L có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Ông Phạm Văn T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Ông T có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 27/11/2002.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 30, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970 và bà Vòong Há M, sinh năm 1973; Anh chị em ruột: Có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 05/3/2019. Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh vào ngày 20/9/2019 theo quyết định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo H có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo H:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970 và bà Vòong Há M, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Số 30, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Là bố, mẹ của bị cáo H. Hiện nay ông T và bà M không có mặt ở địa phương. Bác Nguyễn Thị P và chị gái Nguyễn Thị Phương T là người đại diện hợp pháp của bị cáo H.

Bà P và chị T có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo H*: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng G – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Bà G có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Cháu Lý Ngọc L, sinh ngày 30/10/2006; Địa chỉ: Số 1A/2, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cháu L vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của cháu Liên: Ông Lý Dì N, sinh năm 1971 và bà Đào Ngọc Quỳnh O, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Số 1A/2, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông N vắng mặt; bà O có mặt tại phiên tòa.

- Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 30/4/2006; Địa chỉ: Số 33, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cháu Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Số 33, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông P, bà N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Tsằn Khải V, sinh ngày 03/4/2003; Địa chỉ: Số 21, Đường B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cháu V vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của cháu V: Ông Tsằn Sìu H, sinh năm 1984 và bà Võ Thụy Ngọc P, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Số 21, Đường B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông H, bà P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

- Ông Tsần Vềnh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 211, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 14/7/2003; Địa chỉ: Số 25, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cháu D vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cháu D: Ông Nguyễn Văn D và bà Vũ Thị Ánh T; Cùng địa chỉ: Số 25, Đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông D, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 18/02/2019, Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Công T, Nguyễn Đình Q, Lê Văn T rủ nhau đi tìm đối tượng tên K (không rõ lai lịch) để đánh. Sau khi tìm K không thấy cả bọn quay về phòng trọ của Lê Văn T tại số 43, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Lúc này ngồi uống nước trước cổng phòng trọ gồm có Đặng Văn S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Đình Q, Lê Văn T. Còn Nguyễn Công T, Nguyễn Anh P ở trong phòng trọ. Lê Văn T bàn với Đặng Văn S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Đình Q đe dọa nhóm học sinh đang đi bên kia đường cách vị trí nhóm của T đang ngồi khoảng 06 đến 07 mét để lấy điện thoại đi cầm lấy tiền tiêu xài, cả bọn đồng ý. Sau khi Lê Văn T bàn bạc xong thì Nguyễn Công T, Nguyễn Anh P từ phòng trọ đi ra ngồi cùng với nhóm của Lê Văn T. Lúc này Lê Văn T cầm dao cánh bướm dài khoảng 20 phân trên tay. Khi nhóm học sinh đi đến cách nhóm của Lê Văn T khoảng 05 mét thì Lê Văn T chỉ tay về phía nhóm học sinh nói "có kèo tông xe". Đặng Văn S hiểu ý của T nên cầm dao nhọn, có cán màu đen trên tay đi về nhóm học sinh đi bên kia đường gồm có Lý Ngọc L, Nguyễn Tiến Đức, Trần Nguyễn Thùy N. Lúc này Đặng Văn S nói với Lý Ngọc L đưa điện thoại. Do thấy Đặng Văn S cầm dao và quan sát thấy nhóm của Vĩ bên kia đường cách Lý Ngọc L khoảng 05 mét đông người, Lê Văn T cầm dao làm động tác múa qua múa lại để đe dọa nên Lý Ngọc L sợ đưa điện thoại Sam Sung J3 cho Đặng Văn S. Sau khi lấy được điện thoại Đặng Văn S quay lại chỗ nhóm của Lê Văn T đang ngồi và đưa điện thoại cho Lê Văn T. Lê Văn T tắt nguồn điện thoại sau đó khởi động lại máy thấy có mật khẩu thì nói Đặng Văn S, Nguyễn Đình Q gọi Lý Ngọc L lại đọc mật khẩu. Lúc này Lý Ngọc L đi qua chỗ nhóm của Lê Văn T. Khi Lý Ngọc L đi qua để đọc mật khẩu, Đặng Văn S, Lê Văn T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thanh H đứng gần Lý Ngọc L, còn Nguyễn Công T, Nguyễn Anh P đi vào trong phòng trọ. Lúc này Lê Văn T, Đặng Văn S vẫn cầm dao trên tay, Nguyễn Đình Q đứng bên cạnh Lê Văn T nói Lý Ngọc L "đọc mật khẩu đi". Do sợ nhóm của Lê Văn T nên Lý Ngọc L đọc mật khẩu, sau đó Lê Văn T đưa điện thoại cho Đặng Văn S, Nguyễn Đình Q vào phòng trọ của Lê Văn T lấy xe máy của Nguyễn Công T, xe có biển số 49D1– 429.83 (xe đứng tên Nguyễn Thị N,

sinh năm 1975, có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ,huyện L, tỉnh Lâm Đồng) đi đến tiệm cầm đồ Vĩnh Hàdo anh T'Sằn Vềnh H cầm với giá 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng).

Sau khi Nguyễn Đình Q và Đặng Văn S đi cầm điện thoại còn lại Lê Văn T, Nguyễn Anh P, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Công T**.** Lúc này Nguyễn Thanh H nói với cả nhóm mới lấy được một cái điện thoại đưa cho Nguyễn Đình Q và Đặng Văn S đi cầm, Lê Văn T bàn với cả nhóm thằng học sinh kia còn một điện thoại xịn qua mượn về cầm lấy tiền tiêu xài cả bọn đồng ý. Lúc này Lê Văn T chỉ tay về phía Nguyễn Tiến Đ đi bên kia đường cầm điện thoại trên tay cách nhóm của Lê Văn T đang ngồi khoảng 05 mét. Lê Văn T nói với Nguyễn Công T qua mượn điện thoại, Nguyễn Công T làm theo lời Lê Văn T đi về phía Nguyễn Tiến Đ nói "ê thằng kia qua đây tao biểu" lúc này Nguyễn Tiến Đ đi qua bên đường nơi Nguyễn Công T đang đứng. Khi Nguyễn Tiến Đứđi sang bên đường thì Nguyễn Anh P cầm dao đi tới nơi Nguyễn Công T và Nguyễn Tiến Đ đang đứng. Phong cầm dao trên tay nói cho mượn điện thoại gọi tắc xi. Nguyễn Tiến Đ nói "em có số để em gọi hộ". Lúc này Nguyễn Anh P nói "đưa điện thoại để gọi hai thằng kia". Do nhìn thấy Nguyễn Anh P cầm dao trên tay, đồng thời thấy nhóm của Lê Văn T đông người, Lê Văn T có cầm dao trên tay múa qua múa lại, mài xuống đất đe dọa nên Nguyễn Tiến Đ đưa điện thoại di động Sam sung J3 cho Lê Văn T. Sau khi lấy được điện thoại Lê Văn T đưa cho Nguyễn Anh P gọi tắc xi, cả nhóm lên xe tắc xi đi đến tiệm điện thoại Vĩnh H do anh T'Sằn Vềnh H cầm được 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng). Sau khi cầm điện thoại Lê Văn T nói với Nguyễn Anh P, Đặng Văn S, Nguyễn Thanh H đến quán nét N, Đường B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tìm T'Sằn Khải V nhờ T'Sằn Khải V cho mượn nhà để sử dụng ma túy thì cả bọn đồng ý. Tại quán nét, Đặng Văn S, Nguyễn Đình Q sau khi đi cầm điện thoại quay về phòng trọ không thấy nhóm của Lê Văn T nên đến quán nét tìm. Tại đây Đặng Văn S gặp Nguyễn Văn D. Đặng Văn S nhờ Nguyễn Văn D giữ hộ con dao có cán màu đen, dài khoảng 20 cm sau đó cả bọn về nhà T'Sằn Khải V sử dụng ma túy.

Theo kết luận định giá số: 51/KL–HĐĐG ngày 15/3/2019, điện thoại Galaxy J2 pro của Lý Ngọc L điện thoại có giá trị 1.971.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn đồng). Điện thoại Sam Sung J3 của Nguyễn Tiến Đcó giá trị 2.340.000 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi nghì đồng).

Số tiền cầm điện thoại Sam Sung J3 của Nguyễn Tiến Đ được 1.300.000 đồng, Nguyễn Anh P chia cho Lê Văn T 700.000 đồng, trả tiền xe tắc xi hết 50.000 đồng, chia cho Nguyễn Công T 200.000 đồng, trả tiền tắc xi hết 50.000 đồng, Nguyễn Anh P giữ lại 200.000 đồng, Nguyễn Thanh H được chia 150.000 đồng.

Số tiền cầm điện thoại của Sam Sung của Lý Ngọc L cầm được 600.000 đồng, Đặng Văn S lấy 100.000 đồng, số tiền còn lại 500.000 đồng Nguyễn Đình Q cầm mua ma túy về sử dụng và tiêu dùng cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 con dao dài 20 cm cán nhựa quấn băng keo màu đen của Đặng Văn S.

- Số tiền 370.000 đồng, trong đó 50.000 đồng của TSằn Khải V giao nộp (đây là tiền do Nguyễn Công T cho TSằn Khải V) và Nguyễn Anh P giao nộp 320.000 đồng.

- Một điện thoại Sam Sung J3 của Nguyễn Tiến Đ.

- Một điện thoại Sam Sung J2 của Lý Ngọc L.

Điện thoại Sam Sung J2 và điện thoại Sam Sung J3 cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu cháu Lý Ngọc L và cháu Nguyễn Tiến Đ, cháu L và cháu Đ không có ý kiến gì. Số vật chứng còn lại cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 15/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Công T, Nguyễn Đình Q, phạm tội *"Cướp tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 168 bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Áp dụng tình tiết phạm tội từ hai lần trở lên đối với Nguyễn Thanh H và Lê Văn T.

Riêng Lê Văn T xúi giục các bị cáo đang ở tuổi vị thành niên phạm tội nên áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn D giữ hộ con dao có cán màu đen cho Đặng Văn S nhưng không biết Đặng Văn S phạm tội, TSằn Khải V không bàn bạc thực hiện hành vi cướp tài sản nên không xử lý. Đối với T'Sằn Vềnh H đã cầm điện thoại nhưng không biết đây là tài sản do phạm pháp mà có nên không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hành quyền công tố giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo, căn cứ vào Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự rút yêu cầu áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T về việc xúi giục các bị cáo đang ở tuổi vị thành niên phạm tội và đề nghị:

Áp dụng Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Đặng Văn S từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Anh P từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Đình Q từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Công T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Thanh H từ 03 năm đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo T cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo bị ép cung, nhưng khi được đối chất với điều tra viên thì bị cáo T khẳng định là bị cáo T không bị ép cung. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, bản tường trình của các bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 14 giờ ngày 18/02/2019, các bị cáo V, P, H, T, Q, T rủ nhau đi tìm đối tượng tên K (không rõ lai lịch) để đánh. Sau khi tìm K nhưng không thấy cả bọn quay về phòng trọ của Thuận tại số 43, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Lúc này ngồi uống nước trước cổng phòng trọ gồm có V, H, Q, T. Còn T, P ở trong phòng trọ.

Thấy bên kia đường có nhóm học sinh cầm điện thoại nên V và T, Q, H nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. V cầm dao có cán màu đen đe dọa L lấy được điện thoại di động hiệu Sam Sung J2. Khi lấy được điện thoại V đưa cho T, T tắt nguồn điện thoại rồi khởi động lại máy, thấy có mật khẩu, T sai V, Q gọi L lại đọc mật khẩu. Lúc này L đi qua chỗ nhóm của T. Do sợ nhóm của T nên L đọc mật khẩu của điện thoại, sau đó T đưa điện thoại cho V. V và Qlấy xe máy của Nguyễn Công T biển số 49 D1 – 429.83 đi đến tiệm cầm đồ Vĩnh H do anh Tsằn Vềnh H là chủ tiệm, cầm với giá 600.000 đồng.

Sau khi Q và V đi cầm điện thoại còn lại các bị cáo T, P, H, T. Các bị cáo thấy Đ cầm điện thoại, bị cáo T sai bị cáo T ra gọi Tiến lại để cướp điện thoại. Bị cáo T gọi Đ

lại và bị cáo P dùng dao đe dọa Đ để lấy điện thoại di động hiệu Sam Sung J3. Sau khi lấy được điện thoại bị cáo P đưa cho bị cáo T xem và bị cáo T đưa lại cho bị cáo P gọi taxi, cả nhóm gồm các bị cáo T, P, H, T lên xe tắc xi đi đến tiệm điện thoại Vĩnh H do anh Tsằn Vềnh H là chủ tiệm, cầm được 1.300.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào lời khai của các bị cáo và lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Văn T, Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Công T, Nguyễn Thanh H phạm tội "*Cướp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân tại địa phương. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt, tương xứng tính chất mức độ của hành vi pham tội để răn đe, giáo dục các bị cáo và làm gương cho người khác.

Trong vụ án này có 06 bị cáo tham gia phạm tội, đồng phạm giản đơn, không tổ chức. Do vậy cần phải đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo T và bị cáo H phạm tội nhiều lần do tham gia 02 vụ cướp tài sản, các bị cáo V, P, Q, T tham gia 01 vụ cướp tài sản.

Bị cáo V và bị cáo P là người thực hành, trực tiếp chiếm đoạt điện thoại của bị hại nên phải chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo giúp sức là các bị cáo Q, H, T. Bị cáo T là người cầm 02 điện thoại sau khi cướp; bị cáo H không trực tiếp tham gia cướp nhưng bị cáo tham gia vào 02 vụ cướp với tư cách đồng phạm giúp sức. Bị cáo T không tham gia vụ cướp thứ nhất cướp điện thoại của bị hại L, nhưng bị cáo T biết được vụ cướp điện thoại của L nhưng vẫn gọi Đ lại để Đ bị P cướp điện thoại. Bị cáo T tham gia vụ cướp bị hại Đ với vai trò giúp sức.

Tuy nhiên, khi lượng hình, ngoài hành vi, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị hại L, mẹ bị hại có đơn xác nhận các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và xin giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T, V, Q, H nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với vụ cướp bị hại L.

Đối với bị hại Đ, có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và bị cáo H nên bị cáo T và bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với vụ cướp bị hại Đ.

Trong quá trình điều tra, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Công T, Nguyễn Đình Q là người dưới 18 tuổi nên áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi tại các Điều 91, Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Công T, Nguyễn Đình Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn T có nhân thân xấu, ngày 19/01/2016 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", sau khi chấp hành án, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng làm ăn mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo T phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh H, phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T, xử Lê Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn S, xử Đặng Văn S từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh P xử Nguyễn Anh P từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình Q, xử Nguyễn Đình Q từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công T, xử Nguyễn Công T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh H, xử Nguyễn Thanh H từ 03 năm đến 04 năm tù là có căn cứ, đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

01 Điện thoại Sam Sung J2 và 01 điện thoại Sam Sung J3, cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu cháu Lý Ngọc L và cháu Nguyễn Tiến Đ, cháu L và cháu Đ không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền cầm 01 điện thoại Sam Sung J2 và 01 điện thoại Sam Sung J3, do anh Hầu không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 20 cm cán nhựa quấn băng keo màu đen của Đặng Văn S.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 370.000 đồng, (trong đó Nguyễn Anh P giao nộp 320.000 đồng và Tsằn Khải V giao nộp 50.000 đồng).

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Công T, Nguyễn Thanh H phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ/tạm giam từ ngày 10/4/2019.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn S** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ/tạm giam từ ngày 18/02/2019.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh P** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ/tạm giam từ ngày 18/02/2019.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình Q** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 04/3/2019 đến ngày 09/10/2019.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 18/02/2019 đến ngày 02/10/2019.

Áp dụng Điều 17; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 05/3/2019 đến ngày 20/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 20 cm cán nhựa quấn băng keo màu đen của Đặng Văn S. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Sung vào công quỹ số tiền 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo giấy nộp tiền vào tài khoản 3949.0.1096549.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng lập ngày 14/8/2019 tại Kho bạc nhà nước huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Lê Văn T, Đặng Văn S, Nguyễn Anh P, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Công T, Nguyễn Thanh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo (phần mình có liên quan). Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo (phần mình có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *TAND tỉnh Lâm Đồng.*

Ngô Anh Tuấn